



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.19 - Lớp 1 (DCV1191)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3119520002 | Tạ Ngô Thiệu     | Chí    | 05/05/2001 | 63      | Trung bình |
| 2   | 3119520006 | Nguyễn Trung     | Diễn   | 05/04/2001 | 67      | Khá        |
| 3   | 3119520007 | Huỳnh Văn        | Dương  | 18/11/2001 | 80      | Tốt        |
| 4   | 3119520008 | Lê Quang         | Đại    | 21/07/2001 | 81      | Tốt        |
| 5   | 3119520010 | Bùi Minh         | Hiếu   | 06/05/2001 | 67      | Khá        |
| 6   | 3119520011 | Nguyễn Trung     | Hiếu   | 04/08/2001 | 68      | Khá        |
| 7   | 3119520013 | Phạm Minh        | Hoàng  | 26/02/2001 | 63      | Trung bình |
| 8   | 3119520015 | Đặng Đức         | Huy    | 09/03/2001 | 63      | Trung bình |
| 9   | 3119520016 | Nguyễn Gia       | Huy    | 10/11/2001 | 59      | Trung bình |
| 10  | 3119520019 | Trần Lợi         | Khang  | 23/08/2001 | 60      | Trung bình |
| 11  | 3119520024 | Phan Anh         | Khoa   | 03/07/2001 | 85      | Tốt        |
| 12  | 3119520029 | Đào Duy          | Lâm    | 09/08/2001 | 78      | Khá        |
| 13  | 3119520030 | Nguyễn Thị       | Linh   | 19/07/2001 | 86      | Tốt        |
| 14  | 3119520031 | Phùng Học Đức    | Lộc    | 21/09/2001 | 76      | Khá        |
| 15  | 3119520032 | Hồ Gia           | Lợi    | 20/12/2001 | 74      | Khá        |
| 16  | 3119520033 | Nguyễn Thị Tuyết | Mai    | 25/10/2001 | 70      | Khá        |
| 17  | 3119520034 | Đỗ Đức Minh      | Mẫn    | 18/03/2001 | 76      | Khá        |
| 18  | 3119520038 | Lê Quang         | Ngọc   | 05/10/2001 | 63      | Trung bình |
| 19  | 3119520039 | Nguyễn Thị Minh  | Nguyệt | 30/04/2001 | 95      | Xuất sắc   |
| 20  | 3119520040 | Nguyễn Vũ        | Nhân   | 20/10/2001 | 55      | Trung bình |
| 21  | 3119520042 | Võ Thị Cẩm       | Nhung  | 17/02/2001 | 91      | Xuất sắc   |
| 22  | 3119520043 | Nguyễn Tấn       | Phát   | 10/11/2001 | 68      | Khá        |
| 23  | 3119520045 | Phương Dương     | Phong  | 22/11/2001 | 84      | Tốt        |
| 24  | 3119520048 | Nguyễn Văn       | Quân   | 03/05/2001 | 62      | Trung bình |
| 25  | 3119520049 | Võ Huy           | Quốc   | 16/01/2001 | 58      | Trung bình |
| 26  | 3119520051 | Lê Trí           | Thành  | 25/01/2001 | 73      | Khá        |
| 27  | 3119520052 | Quách Gia        | Thiên  | 16/07/2000 | 75      | Khá        |
| 28  | 3119520057 | Nguyễn Minh      | Thuận  | 31/01/2001 | 81      | Tốt        |
| 29  | 3119520058 | Trần Minh        | Thuận  | 17/09/2001 | 78      | Khá        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.19 - Lớp 1 (DCV1191)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3119520061 | Đàm Hoàng       | Tiến   | 03/01/2001 | 66      | Khá        |
| 31  | 3119520063 | Nguyễn Minh     | Triết  | 10/01/2001 | 51      | Trung bình |
| 32  | 3119520064 | Nguyễn Mai Quốc | Triệu  | 15/08/2001 | 73      | Khá        |
| 33  | 3119520066 | Nguyễn Đức      | Trọng  | 26/04/2001 | 70      | Khá        |
| 34  | 3119520067 | Nguyễn Minh     | Trọng  | 16/01/2001 | 70      | Khá        |
| 35  | 3119520068 | Nguyễn Đức      | Trường | 13/06/2001 | 72      | Khá        |
| 36  | 3119520069 | Nguyễn Hoàng    | Tuân   | 20/03/2001 | 66      | Khá        |
| 37  | 3119520070 | Nguyễn Ngọc     | Tuấn   | 20/12/2001 | 83      | Tốt        |
| 38  | 3119520073 | Ngô Đại         | Tỷ     | 12/12/2001 | 73      | Khá        |
| 39  | 3119520074 | Trần Chánh      | Uy     | 22/11/2001 | 70      | Khá        |

Tổng cộng danh sách này có 39 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 2     | 5,1     |
| Tốt   | 7     | 17,9    |
| Khá   | 20    | 51,3    |
| TB    | 10    | 25,6    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 0     | 0,0     |

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.20 - Lớp 1 (DCV1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-----------------|-------|------------|---------|------------|
| 1   | 3120520011 | Vũ Nguyễn Tuyết | Anh   | 15/02/2002 | 67      | Khá        |
| 2   | 3120520012 | Hồng Thiên      | Ân    | 17/02/2002 | 80      | Tốt        |
| 3   | 3120520013 | Nguyễn Vũ Thiên | Ân    | 11/03/2002 | 78      | Khá        |
| 4   | 3120520014 | Đường Thanh     | Bảo   | 19/09/2002 | 70      | Khá        |
| 5   | 3120520015 | Trần Chí        | Bảo   | 26/08/2002 | 68      | Khá        |
| 6   | 3120520016 | Phạm Đình       | Bền   | 22/11/2002 | 58      | Trung bình |
| 7   | 3120520018 | Nguyễn Lê Mạnh  | Cương | 29/12/2002 | 82      | Tốt        |
| 8   | 3120520019 | Nguyễn Đức      | Duy   | 20/08/2002 | 70      | Khá        |
| 9   | 3120520020 | Nguyễn Lê Quốc  | Duy   | 11/10/2002 | 81      | Tốt        |
| 10  | 3120520021 | Nguyễn Trọng    | Duy   | 05/02/2002 | 65      | Khá        |
| 11  | 3120520022 | Huỳnh Khánh     | Đạt   | 07/07/2002 | 62      | Trung bình |
| 12  | 3120520024 | Trần Quốc       | Đạt   | 21/12/2002 | 75      | Khá        |
| 13  | 3120520026 | Võ Hải          | Đăng  | 14/08/2002 | 68      | Khá        |
| 14  | 3120520002 | Hoàng Trung     | Hiếu  | 22/02/2002 | 91      | Xuất sắc   |
| 15  | 3120520028 | Nguyễn Quốc     | Huy   | 04/11/2002 | 58      | Trung bình |
| 16  | 3120520029 | Võ Mạnh         | Huỳnh | 16/11/2002 | 86      | Tốt        |
| 17  | 3120520030 | Ngô Duy         | Khánh | 01/10/2002 | 63      | Trung bình |
| 18  | 3120520032 | Lê Đăng         | Khoa  | 22/10/2002 | 70      | Khá        |
| 19  | 3120520033 | Thiều Đăng      | Khoa  | 27/10/2002 | 72      | Khá        |
| 20  | 3120520034 | Nguyễn Hoàng    | Khôi  | 08/03/2002 | 55      | Trung bình |
| 21  | 3120520035 | Nguyễn Trần     | Kiên  | 12/11/2002 | 55      | Trung bình |
| 22  | 3120520036 | Lê Đăng         | Linh  | 12/09/2002 | 77      | Khá        |
| 23  | 3120520037 | Nguyễn Phước    | Lộc   | 24/05/2002 | 55      | Trung bình |
| 24  | 3120520038 | Huỳnh Gia       | Luân  | 06/12/2002 | 70      | Khá        |
| 25  | 3120520040 | Nguyễn Đức      | Minh  | 29/07/2002 | 65      | Khá        |
| 26  | 3120520042 | Nguyễn Văn      | Nam   | 10/10/2002 | 83      | Tốt        |
| 27  | 3120520043 | Trần Thanh      | Nam   | 06/02/2002 | 60      | Trung bình |
| 28  | 3120520044 | Nguyễn Trọng    | Nghĩa | 18/05/2002 | 80      | Tốt        |
| 29  | 3120520045 | Lê Thị Kim      | Ngọc  | 14/10/2002 | 83      | Tốt        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.20 - Lớp 1 (DCV1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3120520005 | Nguyễn Minh     | Ngọc   | 13/02/2002 | 92      | Xuất sắc   |
| 31  | 3120520046 | Đỗ Thống        | Nhất   | 04/04/2002 | 63      | Trung bình |
| 32  | 3120520047 | Trần Văn        | Nhất   | 18/12/2002 | 55      | Trung bình |
| 33  | 3120520048 | Trần Ngọc Minh  | Nhật   | 05/01/2002 | 63      | Trung bình |
| 34  | 3120520051 | Trương Ngọc     | Phú    | 31/05/2002 | 63      | Trung bình |
| 35  | 3120520052 | Bùi Ngọc Nam    | Phương | 23/01/2002 | 75      | Khá        |
| 36  | 3120520054 | Lâm Thái        | Sang   | 23/05/2002 | 72      | Khá        |
| 37  | 3120520056 | Trương Minh     | Sang   | 15/09/2002 | 60      | Trung bình |
| 38  | 3120520057 | Chế Thành       | Tài    | 25/08/2002 | 58      | Trung bình |
| 39  | 3120520058 | Quan Trọng      | Tâm    | 10/01/2002 | 78      | Khá        |
| 40  | 3120520059 | Văn Thanh       | Tân    | 27/01/2002 | 72      | Khá        |
| 41  | 3120520060 | Phương Diễm     | Tấn    | 27/06/2002 | 60      | Trung bình |
| 42  | 3120520061 | Nguyễn Trọng    | Thái   | 24/04/2002 | 63      | Trung bình |
| 43  | 3120520062 | Trần Vương Bảo  | Thanh  | 16/10/2002 | 55      | Trung bình |
| 44  | 3120520063 | Ngô Lê Văn      | Thành  | 24/05/2002 | 63      | Trung bình |
| 45  | 3120520064 | Võ Trần Công    | Thành  | 08/12/2002 | 65      | Khá        |
| 46  | 3120520065 | Lâm Phúc        | Thiện  | 07/01/2002 | 58      | Trung bình |
| 47  | 3120520066 | Bùi Thị Anh     | Thủy   | 26/05/2002 | 58      | Trung bình |
| 48  | 3120520067 | Tô Trọng        | Thức   | 10/11/2002 | 55      | Trung bình |
| 49  | 3120520070 | Nguyễn Hữu      | Trọng  | 18/09/2002 | 0       | Kém        |
| 50  | 3120520071 | Bùi Đào Xuân    | Trường | 20/10/2002 | 63      | Trung bình |
| 51  | 3120520073 | Võ Hoàng        | Trường | 07/11/2001 | 0       | Kém        |
| 52  | 3120520075 | Nguyễn Đặng Anh | Tuấn   | 23/08/2002 | 63      | Trung bình |
| 53  | 3120520079 | Đặng Ngọc Tường | Vy     | 05/11/2002 | 86      | Tốt        |



## Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.20 - Lớp 1 (DCV1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | Ngày sinh | Điểm RL | Xếp loại |
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|

Tổng cộng danh sách này có 53 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 2     | 3,8     |
| Tốt   | 8     | 15,1    |
| Khá   | 18    | 34,0    |
| TB    | 23    | 43,4    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 2     | 3,8     |

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành CN kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.21 - Lớp 1 (DCV1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3121520005 | Đinh Trần Hoàng   | Anh    | 10/09/2003 | 60      | Trung bình |
| 2   | 3121520006 | Lê Ngọc Duy       | Anh    | 02/07/2003 | 63      | Trung bình |
| 3   | 3121520007 | Tạ Hoàng Thiên    | Ân     | 20/05/2003 | 58      | Trung bình |
| 4   | 3121520008 | Từ Thiện          | Ân     | 20/03/2003 | 78      | Khá        |
| 5   | 3121520009 | Hà Quang          | Bình   | 13/09/2003 | 55      | Trung bình |
| 6   | 3121520010 | Nguyễn Sỹ         | Cường  | 26/12/2003 | 68      | Khá        |
| 7   | 3121520001 | Trần Thanh        | Danh   | 11/06/2003 | 79      | Khá        |
| 8   | 3121520013 | Nguyễn Xuân Thành | Duy    | 14/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 9   | 3121520015 | Phan Thanh        | Đông   | 20/02/2003 | 50      | Trung bình |
| 10  | 3121520016 | Nguyễn            | Hào    | 07/10/2002 | 94      | Xuất sắc   |
| 11  | 3121520018 | Lê Phát           | Huy    | 13/11/2003 | 53      | Trung bình |
| 12  | 3121520019 | Hoàng Vũ Đình     | Khải   | 15/01/2003 | 53      | Trung bình |
| 13  | 3121520020 | Ngô Minh          | Khải   | 01/04/2003 | 67      | Khá        |
| 14  | 3121520021 | Đặng Trần Nguyên  | Khang  | 01/05/2003 | 63      | Trung bình |
| 15  | 3121520022 | Hoàng Nguyễn Minh | Khang  | 21/12/2003 | 50      | Trung bình |
| 16  | 3121520023 | Lương Bá Nguyên   | Khanh  | 14/12/2003 | 57      | Trung bình |
| 17  | 3121520024 | Huỳnh Minh        | Khánh  | 30/05/2003 | 60      | Trung bình |
| 18  | 3121520028 | Phạm Anh          | Lộc    | 20/12/2003 | 63      | Trung bình |
| 19  | 3121520030 | Nguyễn Tuấn       | Lực    | 31/07/2003 | 60      | Trung bình |
| 20  | 3121520031 | Bồ Gia            | Lương  | 15/11/2003 | 63      | Trung bình |
| 21  | 3121520032 | Nguyễn Quang      | Minh   | 20/06/2003 | 63      | Trung bình |
| 22  | 3121520033 | Đinh Thị Trà      | My     | 09/03/2003 | 97      | Xuất sắc   |
| 23  | 3121520034 | Nguyễn Ngọc       | Nguyên | 06/05/2003 | 53      | Trung bình |
| 24  | 3121520035 | Trần Thảo         | Nguyên | 28/11/2003 | 92      | Xuất sắc   |
| 25  | 3121520036 | Lê Trọng          | Nhân   | 06/08/2003 | 53      | Trung bình |
| 26  | 3121520037 | Lâm Hữu           | Nhìn   | 03/01/2002 | 60      | Trung bình |
| 27  | 3121520038 | Đặng Ngọc Linh    | Phi    | 18/07/2003 | 73      | Khá        |
| 28  | 3121520039 | Trương Thanh      | Phong  | 06/08/2003 | 60      | Trung bình |
| 29  | 3121520041 | Nguyễn Phạm Hoàng | Phúc   | 06/08/2003 | 60      | Trung bình |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành CN kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.21 - Lớp 1 (DCV1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3121520042 | Tô Lê Hoài      | Phúc   | 07/09/2003 | 50      | Trung bình |
| 31  | 3121520043 | Trần Trịnh Hồng | Phúc   | 25/08/2003 | 53      | Trung bình |
| 32  | 3121520044 | Trương Minh     | Phúc   | 21/03/2003 | 63      | Trung bình |
| 33  | 3121520045 | Nguyễn Hữu      | Phụng  | 01/03/2003 | 81      | Tốt        |
| 34  | 3121520046 | Nguyễn Anh      | Quân   | 02/03/2003 | 66      | Khá        |
| 35  | 3121520048 | Dương Trường    | Sơn    | 08/12/2003 | 70      | Khá        |
| 36  | 3121520049 | Trần Thiện Chí  | Tâm    | 01/02/2003 | 58      | Trung bình |
| 37  | 3121520052 | Nguyễn Văn      | Thoại  | 20/10/2003 | 72      | Khá        |
| 38  | 3121520054 | Lê Trần Hoài    | Thương | 27/10/2003 | 61      | Trung bình |
| 39  | 3121520055 | Nguyễn Hoàng    | Tiến   | 23/09/2003 | 60      | Trung bình |
| 40  | 3121520056 | Trương Thế      | Toàn   | 14/02/2002 | 53      | Trung bình |
| 41  | 3121520057 | Nguyễn Minh     | Trí    | 05/11/2003 | 57      | Trung bình |
| 42  | 3121520058 | Nguyễn Thành    | Trung  | 23/01/2003 | 53      | Trung bình |
| 43  | 3121520002 | Nguyễn Huy Anh  | Tú     | 03/06/2003 | 73      | Khá        |
| 44  | 3121520059 | Phạm Thanh      | Tùng   | 19/02/2003 | 65      | Khá        |
| 45  | 3121520060 | Diệp Chí        | Vinh   | 08/10/2003 | 67      | Khá        |
| 46  | 3121520061 | Đặng Thế        | Vinh   | 23/08/2003 | 53      | Trung bình |
| 47  | 3121520063 | Huỳnh Nhiên     | Vỹ     | 24/09/2003 | 58      | Trung bình |

Tổng cộng danh sách này có 47 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 3     | 6,4     |
| Tốt   | 1     | 2,1     |
| Khá   | 11    | 23,4    |
| TB    | 32    | 68,1    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 0     | 0,0     |

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Võ Văn Thật**



**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành CN kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.22 - Lớp 1 (DCV1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3122520001 | Nguyễn Hữu Hoàng | Anh    | 19/09/2004 | 53      | Trung bình |
| 2   | 3122520002 | Đàm Xuân         | Bách   | 27/05/2004 | 53      | Trung bình |
| 3   | 3122520003 | Lê Ngọc          | Bách   | 03/12/2004 | 60      | Trung bình |
| 4   | 3122520005 | Trần Thành       | Đạt    | 17/03/2004 | 51      | Trung bình |
| 5   | 3122520007 | Nguyễn Hoài      | Đức    | 14/04/2004 | 83      | Tốt        |
| 6   | 3122520008 | Phạm Mai         | Đức    | 02/08/2004 | 55      | Trung bình |
| 7   | 3122520009 | Phạm Ngọc        | Hải    | 18/11/2004 | 58      | Trung bình |
| 8   | 3122520010 | Lý Thuận         | Hào    | 29/11/2004 | 71      | Khá        |
| 9   | 3122520011 | Lý Trí           | Hào    | 02/08/2003 | 58      | Trung bình |
| 10  | 3122520012 | Nguyễn Văn       | Hiếu   | 11/03/2004 | 64      | Trung bình |
| 11  | 3122520013 | Trần Danh        | Hiếu   | 07/08/2004 | 53      | Trung bình |
| 12  | 3122520014 | Đào Huy          | Hoàng  | 06/03/2004 | 65      | Khá        |
| 13  | 3122520015 | Nguyễn Việt      | Hoàng  | 01/06/2004 | 58      | Trung bình |
| 14  | 3122520016 | Đào Nguyễn       | Hung   | 15/03/2004 | 53      | Trung bình |
| 15  | 3122520017 | Nguyễn Nhân Phúc | Hy     | 12/10/2004 | 55      | Trung bình |
| 16  | 3122520018 | Nguyễn Hữu Đăng  | Khoa   | 02/06/2004 | 53      | Trung bình |
| 17  | 3122520019 | Nguyễn Thị Mỹ    | Loan   | 11/12/2004 | 73      | Khá        |
| 18  | 3122520020 | Hồ Minh          | Long   | 28/12/2004 | 60      | Trung bình |
| 19  | 3122520021 | Trần Nguyễn Bảo  | Long   | 06/07/2004 | 50      | Trung bình |
| 20  | 3122520022 | Hồ Công          | Minh   | 16/09/2004 | 67      | Khá        |
| 21  | 3122520023 | Lê Đình Nhật     | Nam    | 11/11/2004 | 65      | Khá        |
| 22  | 3122520024 | Nguyễn Hải       | Nam    | 02/01/2004 | 58      | Trung bình |
| 23  | 3122520025 | Nguyễn Thị Thanh | Ngân   | 18/07/2004 | 90      | Xuất sắc   |
| 24  | 3122520026 | Lâm Hiếu         | Nghĩa  | 22/04/2004 | 53      | Trung bình |
| 25  | 3122520027 | Trần Đỗ Khôi     | Nguyên | 08/07/2004 | 55      | Trung bình |
| 26  | 3122520028 | Nguyễn Thanh     | Nhàn   | 08/02/2004 | 61      | Trung bình |
| 27  | 3122520029 | Nguyễn Trọng     | Nhất   | 20/01/2004 | 58      | Trung bình |
| 28  | 3122520030 | Đoàn Mã Thanh    | Phong  | 31/08/2004 | 65      | Khá        |
| 29  | 3122520031 | Nguyễn Hoàng     | Phong  | 20/08/2004 | 52      | Trung bình |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành CN kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.22 - Lớp 1 (DCV1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|------------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3122520032 | Nguyễn Hoàng     | Phúc   | 15/07/2004 | 53      | Trung bình |
| 31  | 3122520033 | Vũ Thiên         | Phúc   | 07/12/2004 | 0       | Kém        |
| 32  | 3122520034 | Bùi Nguyễn Minh  | Quân   | 25/04/2004 | 70      | Khá        |
| 33  | 3122520035 | Trịnh Đình       | Sang   | 12/02/2004 | 53      | Trung bình |
| 34  | 3122520036 | Chu Hải          | Sinh   | 31/10/2004 | 72      | Khá        |
| 35  | 3122520037 | Trần Minh        | Tâm    | 06/11/2004 | 80      | Tốt        |
| 36  | 3122520038 | Phan Phúc        | Tân    | 26/01/2002 | 91      | Xuất sắc   |
| 37  | 3122520039 | Nguyễn Huỳnh     | Tấn    | 08/01/2003 | 86      | Tốt        |
| 38  | 3122520040 | Trần Quốc        | Thái   | 09/01/2004 | 59      | Trung bình |
| 39  | 3122520042 | Nguyễn Duy       | Thắng  | 31/03/2004 | 80      | Tốt        |
| 40  | 3122520043 | Nguyễn Công      | Thận   | 20/07/2003 | 62      | Trung bình |
| 41  | 3122520044 | Nguyễn Ngọc      | Thế    | 11/03/2004 | 63      | Trung bình |
| 42  | 3122520045 | Trương Lê Trọng  | Thịnh  | 01/01/2004 | 50      | Trung bình |
| 43  | 3122520046 | Nguyễn Hoàng Ân  | Thiên  | 07/05/2004 | 92      | Xuất sắc   |
| 44  | 3122520048 | Võ Hoàng         | Thường | 23/04/2000 | 92      | Xuất sắc   |
| 45  | 3122520049 | Chu Quyết        | Tiến   | 08/03/2004 | 63      | Trung bình |
| 46  | 3122520050 | Huỳnh Huỳnh      | Tiến   | 22/01/2004 | 58      | Trung bình |
| 47  | 3122520051 | Phan Minh        | Trí    | 02/10/2002 | 81      | Tốt        |
| 48  | 3122520052 | Võ Minh          | Trí    | 23/12/2004 | 53      | Trung bình |
| 49  | 3122520053 | Phạm Minh        | Triết  | 30/06/2004 | 71      | Khá        |
| 50  | 3122520054 | Trịnh Ngọc Quang | Trung  | 17/04/2004 | 72      | Khá        |
| 51  | 3122520055 | Nguyễn Phan Đăng | Tú     | 27/04/2004 | 58      | Trung bình |
| 52  | 3122520056 | Huỳnh Anh        | Tuấn   | 02/11/2004 | 58      | Trung bình |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành CN kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.22 - Lớp 1 (DCV1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | Ngày sinh | Điểm RL | Xếp loại |
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|

Tổng cộng danh sách này có 52 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**Điểm                      Số SV                      Tỷ lệ %**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

X.sắc

4

7,7

Tốt

5

9,6

Khá

10

19,2

TB

32

61,5

Yếu

0

0,0

Kém

1

1,9

**TS. Võ Văn Thật**



**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.19 - Lớp 1 (DDE1191)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV       |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|--------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3119490002 | Nguyễn Quốc        | Ân     | 16/05/2001 | 76      | Khá        |
| 2   | 3119490007 | Trần Minh          | Chương | 31/05/2001 | 68      | Khá        |
| 3   | 3119490009 | Nguyễn Tiến        | Dũng   | 17/01/2001 | 75      | Khá        |
| 4   | 3119490010 | Đoàn Tuấn          | Duy    | 06/04/2001 | 66      | Khá        |
| 5   | 3119490011 | Hà                 | Duy    | 26/11/2001 | 58      | Trung bình |
| 6   | 3119490013 | Lê Thành           | Đạt    | 01/10/2001 | 0       | Kém        |
| 7   | 3119490014 | Nguyễn Tuấn        | Đạt    | 19/10/2001 | 90      | Xuất sắc   |
| 8   | 3119490018 | Vũ Minh            | Hiếu   | 03/03/2001 | 75      | Khá        |
| 9   | 3119490019 | Nguyễn Việt        | Hòa    | 01/01/2001 | 77      | Khá        |
| 10  | 3119490020 | Trương Gia         | Hòa    | 11/09/2001 | 66      | Khá        |
| 11  | 3119490021 | Tiêu Viết          | Huân   | 24/05/2001 | 68      | Khá        |
| 12  | 3119490022 | Hoàng Phi          | Hùng   | 06/09/2001 | 75      | Khá        |
| 13  | 3119490027 | Nguyễn             | Hưng   | 31/01/2001 | 66      | Khá        |
| 14  | 3119490028 | Phan Phạm Duy      | Khang  | 23/01/2001 | 70      | Khá        |
| 15  | 3119490031 | Mạch Trí           | Kiệt   | 05/09/2001 | 71      | Khá        |
| 16  | 3119490032 | Phạm Sơn           | Lâm    | 24/08/2001 | 65      | Khá        |
| 17  | 3119490033 | Trần Hữu           | Lộc    | 25/03/2001 | 63      | Trung bình |
| 18  | 3119490035 | Nguyễn Hoàng       | Nam    | 17/06/2001 | 81      | Tốt        |
| 19  | 3119490037 | Lý Phan Chung      | Nguyên | 24/02/2001 | 88      | Tốt        |
| 20  | 3119490042 | Lương Hoàng        | Phúc   | 24/03/2001 | 70      | Khá        |
| 21  | 3119490043 | Phạm Minh          | Phúc   | 04/03/2001 | 63      | Trung bình |
| 22  | 3119490047 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Quy    | 06/01/2001 | 65      | Khá        |
| 23  | 3119490049 | Trần Bá            | Sang   | 07/06/2001 | 65      | Khá        |
| 24  | 3119490051 | Huỳnh Tấn          | Sĩ     | 30/03/2001 | 65      | Khá        |
| 25  | 3119490052 | Đào Quang          | Sơn    | 16/10/2001 | 76      | Khá        |
| 26  | 3119490054 | Trần Anh           | Tài    | 02/07/2001 | 86      | Tốt        |
| 27  | 3119490056 | Trần Công          | Tâm    | 26/06/2000 | 68      | Khá        |
| 28  | 3119490057 | Từ Vĩnh            | Thái   | 14/03/2001 | 78      | Khá        |
| 29  | 3119490059 | Hồ Hoàn            | Thành  | 26/05/2001 | 83      | Tốt        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.19 - Lớp 1 (DDE1191)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV   |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|----------------|-------|------------|---------|------------|
| 30  | 3119490062 | Trần Quốc      | Thịnh | 10/08/2001 | 75      | Khá        |
| 31  | 3119490065 | Phạm Phú       | Toàn  | 14/02/2001 | 85      | Tốt        |
| 32  | 3119490067 | Nguyễn Thế     | Trung | 25/03/2001 | 65      | Khá        |
| 33  | 3119490070 | Nguyễn Hoài    | Tuấn  | 15/09/2001 | 88      | Tốt        |
| 34  | 3119490073 | Ngô Tấn        | Tỷ    | 12/12/2001 | 65      | Khá        |
| 35  | 3119490075 | Trần Hoài      | Vũ    | 24/03/2001 | 63      | Trung bình |
| 36  | 3119490076 | Bùi Trình Nhật | Vy    | 12/05/2001 | 71      | Khá        |
| 37  | 3119490077 | Lê Quân        | Xương | 07/09/2001 | 58      | Trung bình |

Tổng cộng danh sách này có 37 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 1     | 2,7     |
| Tốt   | 6     | 16,2    |
| Khá   | 24    | 64,9    |
| TB    | 5     | 13,5    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 1     | 2,7     |

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.20 - Lớp 1 (DDE1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|-------|------------|---------|------------|
| 1   | 3120490003 | Trương Đức        | An    | 27/04/2002 | 65      | Khá        |
| 2   | 3120490004 | Nguyễn Dzoãn Hồng | Anh   | 19/06/2002 | 70      | Khá        |
| 3   | 3120490005 | Võ Hoàng          | Chiến | 04/09/2002 | 58      | Trung bình |
| 4   | 3120490008 | Nguyễn Bảo        | Duy   | 17/11/2002 | 65      | Khá        |
| 5   | 3120490009 | Nguyễn Quốc       | Đại   | 24/02/2002 | 58      | Trung bình |
| 6   | 3120490010 | Cao Minh          | Đạt   | 23/01/2002 | 83      | Tốt        |
| 7   | 3120490015 | Biện Xuân         | Hậu   | 30/06/2002 | 71      | Khá        |
| 8   | 3120490019 | Trần Văn          | Hùng  | 26/06/2002 | 70      | Khá        |
| 9   | 3120490025 | Lê Quốc           | Khánh | 02/09/2002 | 70      | Khá        |
| 10  | 3120490026 | Võ Duy            | Khiêm | 07/04/2002 | 76      | Khá        |
| 11  | 3120490028 | Hứa Tuấn          | Kiệt  | 10/04/2002 | 70      | Khá        |
| 12  | 3120490031 | Đỗ Hoàng          | Minh  | 15/08/2002 | 70      | Khá        |
| 13  | 3120490033 | Trác Tấn          | Minh  | 09/04/2002 | 76      | Khá        |
| 14  | 3120490037 | Nguyễn Nhật       | Nam   | 21/08/2002 | 63      | Trung bình |
| 15  | 3120490039 | Ninh Đức          | Nha   | 11/09/2002 | 77      | Khá        |
| 16  | 3120490041 | Lê Thái           | Phát  | 24/07/2002 | 83      | Tốt        |
| 17  | 3120490043 | Lê Vũ Nguyên      | Phong | 29/01/2002 | 63      | Trung bình |
| 18  | 3120490044 | Nguyễn Minh       | Phú   | 14/07/2002 | 63      | Trung bình |
| 19  | 3120490047 | Trần Du Kiến      | Quốc  | 06/05/2002 | 70      | Khá        |
| 20  | 3120490050 | Huỳnh Tấn         | Tài   | 31/08/2002 | 63      | Trung bình |
| 21  | 3120490052 | Nguyễn Hồng       | Tân   | 02/11/2002 | 63      | Trung bình |
| 22  | 3120490053 | Quách Kiến        | Tân   | 03/12/2002 | 88      | Tốt        |
| 23  | 3120490056 | Nguyễn Đức Hoàng  | Thịnh | 08/03/2002 | 58      | Trung bình |



## Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.20 - Lớp 1 (DDE1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | Ngày sinh | Điểm RL | Xếp loại |
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|

Tổng cộng danh sách này có 23 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 0     | 0,0     |
| Tốt   | 3     | 13,0    |
| Khá   | 12    | 52,2    |
| TB    | 8     | 34,8    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 0     | 0,0     |

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.21 - Lớp 1 (DDE1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|-------|------------|---------|------------|
| 1   | 3121490004 | Nguyễn Thiện      | An    | 05/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 2   | 3121490005 | Đoàn Quốc         | Bảo   | 15/12/2003 | 0       | Kém        |
| 3   | 3121490006 | Phạm Duy          | Bảo   | 27/04/2003 | 65      | Khá        |
| 4   | 3121490007 | Nguyễn Hoàng Ngọc | Bích  | 15/11/2003 | 72      | Khá        |
| 5   | 3121490008 | Dương Thanh       | Bình  | 26/06/2003 | 58      | Trung bình |
| 6   | 3121490009 | Huỳnh Hiếu        | Doanh | 21/12/2003 | 68      | Khá        |
| 7   | 3121490010 | Lê Minh           | Duy   | 06/03/2003 | 80      | Tốt        |
| 8   | 3121490011 | Bùi Hoàng         | Dương | 19/02/2003 | 58      | Trung bình |
| 9   | 3121490012 | Nguyễn Hồ Trung   | Đang  | 10/07/2003 | 70      | Khá        |
| 10  | 3121490013 | Trần Hữu          | Đang  | 16/04/2003 | 76      | Khá        |
| 11  | 3121490014 | Hồ Quốc           | Đạt   | 23/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 12  | 3121490015 | Trần Thành        | Đạt   | 29/06/2003 | 58      | Trung bình |
| 13  | 3121490018 | Nguyễn Thành      | Đức   | 14/01/2003 | 0       | Kém        |
| 14  | 3121490019 | Phan Hoài         | Đức   | 13/09/2003 | 58      | Trung bình |
| 15  | 3121490020 | Lê Nho            | Giáo  | 19/12/2003 | 65      | Khá        |
| 16  | 3121490022 | Trần Chấn         | Hào   | 30/06/2003 | 70      | Khá        |
| 17  | 3121490023 | Trần Minh         | Hoàng | 19/07/2003 | 66      | Khá        |
| 18  | 3121490024 | Hoàng Lê Gia      | Huy   | 07/05/2003 | 68      | Khá        |
| 19  | 3121490025 | Phạm Quốc         | Huy   | 20/03/2003 | 0       | Kém        |
| 20  | 3121490026 | Lâm Quý           | Hung  | 04/08/2003 | 66      | Khá        |
| 21  | 3121490027 | Trần Vĩnh         | Hung  | 26/08/2003 | 63      | Trung bình |
| 22  | 3121490032 | Trần Phạm Đăng    | Khôi  | 28/10/2003 | 63      | Trung bình |
| 23  | 3121490033 | Nguyễn            | Lâm   | 12/06/2003 | 58      | Trung bình |
| 24  | 3121490034 | Dương Quang       | Long  | 08/06/2003 | 58      | Trung bình |
| 25  | 3121490035 | Võ Lê Thiên       | Lộc   | 25/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 26  | 3121490037 | Lưu Thanh         | Lộc   | 08/01/2003 | 0       | Kém        |
| 27  | 3121490039 | Cao Trường Phương | Nam   | 06/09/2003 | 75      | Khá        |
| 28  | 3121490040 | Nguyễn Hoàng      | Nam   | 07/02/2003 | 81      | Tốt        |
| 29  | 3121490041 | Nguyễn Anh        | Nghị  | 27/12/2003 | 63      | Trung bình |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.21 - Lớp 1 (DDE1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|------------------|-------|------------|---------|------------|
| 30  | 3121490042 | Đỗ Lê Bảo        | Ngọc  | 30/06/2003 | 63      | Trung bình |
| 31  | 3121490043 | Lý Thành         | Nhân  | 14/10/2003 | 63      | Trung bình |
| 32  | 3121490044 | Phạm Minh        | Nhật  | 15/11/2003 | 63      | Trung bình |
| 33  | 3121490045 | Lâm Thoại        | Như   | 19/10/2003 | 65      | Khá        |
| 34  | 3121490046 | Nguyễn Mai Tiến  | Phát  | 28/03/2003 | 90      | Xuất sắc   |
| 35  | 3121490048 | Nguyễn Thanh     | Phong | 14/04/2003 | 58      | Trung bình |
| 36  | 3121490049 | Lê Huỳnh Hoàng   | Phúc  | 10/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 37  | 3121490050 | Trần Lê Minh     | Phước | 30/05/2003 | 77      | Khá        |
| 38  | 3121490052 | Nguyễn Ngọc      | Quân  | 22/11/2003 | 75      | Khá        |
| 39  | 3120490048 | Nguyễn Hồng Phúc | Sang  | 01/05/2002 | 58      | Trung bình |
| 40  | 3121490053 | Châu Tấn         | Tài   | 22/09/2003 | 58      | Trung bình |
| 41  | 3121490054 | Nguyễn Triều     | Thạch | 13/10/2003 | 68      | Khá        |
| 42  | 3121490055 | Nguyễn Ngọc      | Thành | 27/11/2003 | 65      | Khá        |
| 43  | 3121490056 | Nguyễn Quốc      | Thạnh | 17/01/2003 | 58      | Trung bình |
| 44  | 3121490060 | Phạm Quốc        | Thịnh | 05/05/2003 | 64      | Trung bình |
| 45  | 3121490062 | Nguyễn Trung     | Tín   | 27/09/2003 | 79      | Khá        |
| 46  | 3121490063 | Lương Hoàng      | Trung | 25/05/2003 | 0       | Kém        |
| 47  | 3121490066 | Ngô Quang        | Vinh  | 25/02/2003 | 82      | Tốt        |
| 48  | 3121490068 | Lê Huỳnh Long    | Vũ    | 22/09/2003 | 58      | Trung bình |

Tổng cộng danh sách này có 48 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 1     | 2,1     |
| Tốt   | 3     | 6,3     |
| Khá   | 17    | 35,4    |
| TB    | 22    | 45,8    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 5     | 10,4    |

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.22 - Lớp 1 (DDE1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV            |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3122490001 | Ngô Thừa Ân             | Ân     | 11/08/2004 | 50      | Trung bình |
| 2   | 3122490002 | Hồ Gia Bảo              | Bảo    | 13/01/2004 | 52      | Trung bình |
| 3   | 3122490003 | Lý Minh Bảo             | Bảo    | 15/10/2004 | 59      | Trung bình |
| 4   | 3122490004 | Trần Phúc Bảo           | Bảo    | 16/11/2003 | 62      | Trung bình |
| 5   | 3122490005 | Mai Thanh Bình          | Bình   | 02/12/2004 | 80      | Tốt        |
| 6   | 3122490006 | Trần Trọng Bình         | Bình   | 13/11/2004 | 58      | Trung bình |
| 7   | 3122490007 | Mai Viêt Chánh          | Chánh  | 08/05/2004 | 0       | Kém        |
| 8   | 3122490010 | Lê Tấn Đạt              | Đạt    | 25/06/2004 | 67      | Khá        |
| 9   | 3122490011 | Nguyễn Trần Hải Đăng    | Đăng   | 06/08/2004 | 50      | Trung bình |
| 10  | 3122490012 | Đàm Anh Đức             | Đức    | 06/12/2003 | 62      | Trung bình |
| 11  | 3122490013 | Nguyễn Hồng Đức         | Đức    | 12/01/2004 | 80      | Tốt        |
| 12  | 3122490016 | Trần Văn Huy            | Huy    | 04/07/2004 | 0       | Kém        |
| 13  | 3122490017 | Bùi Duy Hưng            | Hưng   | 22/02/2004 | 66      | Khá        |
| 14  | 3122490019 | Liêu Kim Lân            | Lân    | 29/10/2004 | 69      | Khá        |
| 15  | 3122490020 | Nguyễn Khoa Lân         | Lân    | 15/10/2004 | 64      | Trung bình |
| 16  | 3122490021 | Nguyễn Hoàng Mạnh Linh  | Linh   | 06/11/2004 | 52      | Trung bình |
| 17  | 3122490022 | Hàn Minh Nghĩa          | Nghĩa  | 04/12/2004 | 58      | Trung bình |
| 18  | 3122490023 | Nguyễn Minh Trọng Nghĩa | Nghĩa  | 07/02/2004 | 52      | Trung bình |
| 19  | 3122490024 | Phan Triều Nguyên       | Nguyên | 10/01/2004 | 58      | Trung bình |
| 20  | 3122490027 | Trần Hữu Minh Nhật      | Nhật   | 01/11/2004 | 55      | Trung bình |
| 21  | 3122490028 | Trần Minh Nhật          | Nhật   | 16/10/2004 | 69      | Khá        |
| 22  | 3122490029 | Nguyễn Hoàng Phú        | Phú    | 06/02/2004 | 63      | Trung bình |
| 23  | 3122490030 | Nguyễn Hoàng Thiên Phúc | Phúc   | 22/07/2004 | 58      | Trung bình |
| 24  | 3122490031 | Phạm Lê Minh Phúc       | Phúc   | 15/06/2004 | 58      | Trung bình |
| 25  | 3122490032 | Nguyễn Hữu Phước        | Phước  | 16/11/2004 | 62      | Trung bình |
| 26  | 3122490033 | Đặng Công Quốc          | Quốc   | 04/03/2003 | 64      | Trung bình |
| 27  | 3122490034 | Trần Tuấn Quốc          | Quốc   | 06/04/2004 | 50      | Trung bình |
| 28  | 3122490037 | Nguyễn Ngọc Tâm         | Tâm    | 16/07/2004 | 52      | Trung bình |
| 29  | 3122490038 | Nguyễn Quang Thanh Tâm  | Tâm    | 06/07/2004 | 59      | Trung bình |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành Kỹ thuật điện - K.22 - Lớp 1 (DDE1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV           | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|------------------------|------------|---------|------------|
| 30  | 3122490040 | Hồ Văn Thành           | 27/07/2004 | 55      | Trung bình |
| 31  | 3122490042 | Trang Hữu Thịnh        | 19/10/2004 | 76      | Khá        |
| 32  | 3122490043 | Trần Hưng Thịnh        | 29/08/2004 | 62      | Trung bình |
| 33  | 3122490044 | Trần Phước Thọ         | 19/02/2004 | 51      | Trung bình |
| 34  | 3122490045 | Đỗ Thanh Tiến          | 26/05/2004 | 64      | Trung bình |
| 35  | 3122490046 | Nguyễn Hữu Toàn        | 24/09/2004 | 72      | Khá        |
| 36  | 3122490047 | Huỳnh Quốc Triều       | 29/05/2004 | 64      | Trung bình |
| 37  | 3122490049 | Huỳnh Tấn Trương       | 20/04/2004 | 53      | Trung bình |
| 38  | 3122490050 | Nguyễn Đắc Nhật Trường | 07/04/2004 | 54      | Trung bình |
| 39  | 3122490051 | Nguyễn Trí Vĩ          | 19/02/2004 | 83      | Tốt        |
| 40  | 3122490052 | Trần Khải Vĩ           | 03/04/2004 | 52      | Trung bình |
| 41  | 3122490053 | Nguyễn Thành Vinh      | 04/11/2004 | 52      | Trung bình |

Tổng cộng danh sách này có 41 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 0     | 0,0     |
| Tốt   | 3     | 7,3     |
| Khá   | 6     | 14,6    |
| TB    | 30    | 73,2    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 2     | 4,9     |

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.19 - Lớp 1 (DDV1191)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|-------|------------|---------|------------|
| 1   | 3119500001 | Bùi Tuấn          | Anh   | 21/07/2001 | 0       | Kém        |
| 2   | 3119500002 | Nguyễn Thiên      | Ân    | 10/12/2001 | 77      | Khá        |
| 3   | 3119500006 | Lê Văn            | Chức  | 10/10/1993 | 63      | Trung bình |
| 4   | 3119500008 | Trần              | Dân   | 02/08/2001 | 70      | Khá        |
| 5   | 3119500009 | Phạm Văn          | Định  | 20/12/2001 | 73      | Khá        |
| 6   | 3119500011 | Trương Chí        | Dũng  | 08/06/2001 | 79      | Khá        |
| 7   | 3119500016 | Nguyễn Quang      | Đại   | 07/09/2001 | 67      | Khá        |
| 8   | 3119500018 | Hồ Duy            | Đạt   | 18/12/2001 | 72      | Khá        |
| 9   | 3119500019 | Lưu Bảo           | Đạt   | 11/08/2001 | 53      | Trung bình |
| 10  | 3119500020 | Nguyễn Tấn        | Đạt   | 25/05/2001 | 65      | Khá        |
| 11  | 3119500022 | Trần Nguyên       | Đạt   | 01/06/2001 | 58      | Trung bình |
| 12  | 3119500025 | Nguyễn Huỳnh Hồng | Hào   | 27/01/2001 | 60      | Trung bình |
| 13  | 3119500027 | Nguyễn Trung      | Hòa   | 20/05/2001 | 78      | Khá        |
| 14  | 3119500028 | Nguyễn Hoàng Minh | Kha   | 04/10/2001 | 83      | Tốt        |
| 15  | 3119500029 | Châu Hoàng        | Khang | 15/05/2001 | 62      | Trung bình |
| 16  | 3119500030 | Nguyễn Mậu        | Khoa  | 01/01/2000 | 67      | Khá        |
| 17  | 3119500032 | Võ Đông           | Khoa  | 15/11/2001 | 70      | Khá        |
| 18  | 3119500033 | Nguyễn Đình       | Khôi  | 22/05/2001 | 78      | Khá        |
| 19  | 3119500034 | Nguyễn Phan       | Khôi  | 15/07/2001 | 68      | Khá        |
| 20  | 3119500036 | Phạm Nguyên       | Kim   | 18/12/2001 | 80      | Tốt        |
| 21  | 3119500037 | Nguyễn Thành      | Long  | 28/09/2001 | 58      | Trung bình |
| 22  | 3119500043 | Trần Trung        | Nhân  | 09/03/2001 | 80      | Tốt        |
| 23  | 3119500044 | Võ Quốc           | Nhật  | 15/11/2001 | 83      | Tốt        |
| 24  | 3119500049 | Tiết Tích         | Phiêu | 09/05/2001 | 53      | Trung bình |
| 25  | 3119500050 | Nguyễn Ngọc Thanh | Phong | 21/11/2001 | 0       | Kém        |
| 26  | 3119500052 | Lê Hoàng          | Phúc  | 21/09/2001 | 78      | Khá        |
| 27  | 3119500053 | Khuất Hồ Duy      | Phước | 01/02/2001 | 84      | Tốt        |
| 28  | 3119500054 | Dương Minh        | Quân  | 09/10/2001 | 77      | Khá        |
| 29  | 3119500055 | Lư Võ Minh        | Quân  | 04/11/2001 | 65      | Khá        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.19 - Lớp 1 (DDV1191)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV   |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|----------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3119500061 | Điền Huy       | Tân    | 10/04/2001 | 53      | Trung bình |
| 31  | 3119500070 | Lê Minh        | Thông  | 08/12/2001 | 62      | Trung bình |
| 32  | 3119500071 | Hồ Lê Minh     | Tiến   | 10/10/2001 | 61      | Trung bình |
| 33  | 3119500076 | Nguyễn Xuân    | Trường | 15/12/2001 | 75      | Khá        |
| 34  | 3119500077 | Hồ Minh        | Tuấn   | 11/12/2001 | 0       | Kém        |
| 35  | 3119500078 | Huỳnh Quốc     | Việt   | 02/06/1999 | 70      | Khá        |
| 36  | 3119500079 | Nguyễn Đức     | Vinh   | 16/10/2001 | 65      | Khá        |
| 37  | 3119500081 | Phạm Thị Thanh | Xuân   | 19/12/2001 | 50      | Trung bình |

Tổng cộng danh sách này có 37 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 0     | 0,0     |
| Tốt   | 5     | 13,5    |
| Khá   | 18    | 48,6    |
| TB    | 11    | 29,7    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 3     | 8,1     |

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.20 - Lớp 1 (DDV1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV       |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|--------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3120500008 | Lê Thái            | Bảo    | 01/07/2002 | 58      | Trung bình |
| 2   | 3120500009 | Trần Ngọc          | Châu   | 14/01/2002 | 63      | Trung bình |
| 3   | 3120500013 | Lê Hữu             | Đang   | 15/10/2002 | 68      | Khá        |
| 4   | 3120500014 | Đinh Huỳnh         | Đông   | 06/09/2002 | 66      | Khá        |
| 5   | 3120500015 | Nguyễn Văn         | Hùng   | 23/12/2002 | 63      | Trung bình |
| 6   | 3120500017 | Trần Đình          | Huy    | 16/09/2002 | 63      | Trung bình |
| 7   | 3120500018 | Nguyễn Quang       | Khánh  | 11/02/2001 | 58      | Trung bình |
| 8   | 3120500022 | Trần Văn           | Lập    | 03/06/2002 | 63      | Trung bình |
| 9   | 3120500025 | Nguyễn Quang       | Minh   | 01/04/2002 | 72      | Khá        |
| 10  | 3120500027 | Nguyễn Thị Hiền    | Nga    | 26/04/2002 | 82      | Tốt        |
| 11  | 3120500028 | Đặng Khải          | Nghi   | 14/01/2002 | 58      | Trung bình |
| 12  | 3120500030 | Võ Tấn             | Nguyên | 31/01/2002 | 63      | Trung bình |
| 13  | 3120500034 | Trương Vạn         | Phát   | 11/07/2002 | 70      | Khá        |
| 14  | 3120500003 | Phan Xuân          | Thành  | 06/11/2002 | 81      | Tốt        |
| 15  | 3120500045 | Nguyễn Thị         | Thị    | 11/11/2002 | 84      | Tốt        |
| 16  | 3120500046 | Trác Huỳnh Huy     | Thông  | 19/03/2002 | 58      | Trung bình |
| 17  | 3120500047 | A Dương Hùng       | Thuận  | 02/03/2002 | 65      | Khá        |
| 18  | 3120500048 | Lê Minh            | Thuận  | 28/01/2002 | 60      | Trung bình |
| 19  | 3120500049 | Trần Minh          | Thuận  | 30/07/2002 | 65      | Khá        |
| 20  | 3120500050 | Trần Nguyễn Đức    | Thuận  | 05/11/2002 | 63      | Trung bình |
| 21  | 3120500054 | Lê Minh            | Trường | 28/09/2002 | 65      | Khá        |
| 22  | 3120500055 | Lê Phi             | Trường | 28/09/2002 | 70      | Khá        |
| 23  | 3120500058 | Nguyễn Ngọc Trường | Vũ     | 24/07/2002 | 63      | Trung bình |



## Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.20 - Lớp 1 (DDV1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | Ngày sinh | Điểm RL | Xếp loại |
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|

Tổng cộng danh sách này có 23 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm | Số SV | Tỷ lệ % |
|------|-------|---------|
|------|-------|---------|

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

|       |    |      |
|-------|----|------|
| X.sắc | 0  | 0,0  |
| Tốt   | 3  | 13,0 |
| Khá   | 8  | 34,8 |
| TB    | 12 | 52,2 |
| Yếu   | 0  | 0,0  |
| Kém   | 0  | 0,0  |

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.21 - Lớp 1 (DDV1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3121500002 | Huỳnh Phan Minh   | An     | 23/11/2003 | 53      | Trung bình |
| 2   | 3121500003 | Lê Trọng          | Anh    | 14/11/2003 | 63      | Trung bình |
| 3   | 3121500004 | Tôn Thất Hoàng    | Anh    | 03/07/2003 | 74      | Khá        |
| 4   | 3121500005 | Hồ Chí            | Bảo    | 01/12/2003 | 63      | Trung bình |
| 5   | 3121500006 | Lý Hoàng          | Bảo    | 26/02/2003 | 58      | Trung bình |
| 6   | 3121500007 | Phạm Hồ Thiên     | Bảo    | 08/02/2003 | 60      | Trung bình |
| 7   | 3121500008 | Tôn Thất Gia      | Bảo    | 13/12/2002 | 57      | Trung bình |
| 8   | 3121500009 | Nguyễn Lý         | Bằng   | 13/10/2003 | 73      | Khá        |
| 9   | 3121500010 | Nguyễn Phạm Thanh | Bình   | 13/10/2003 | 82      | Tốt        |
| 10  | 3121500011 | Huỳnh Thành       | Cơ     | 18/05/2003 | 55      | Trung bình |
| 11  | 3121500012 | Nguyễn Tiến       | Dũng   | 25/06/2003 | 58      | Trung bình |
| 12  | 3121500013 | Nguyễn Tuấn       | Dũng   | 31/12/2003 | 60      | Trung bình |
| 13  | 3121500014 | Đoàn Lê           | Duy    | 06/10/2003 | 68      | Khá        |
| 14  | 3121500015 | Lê Nguyễn Minh    | Duy    | 09/06/2003 | 70      | Khá        |
| 15  | 3121500018 | Bùi Trần Trúc     | Hà     | 03/04/2003 | 74      | Khá        |
| 16  | 3121500019 | Lý Phát           | Hào    | 13/11/2003 | 60      | Trung bình |
| 17  | 3121500020 | Dương Minh        | Hiếu   | 25/12/2003 | 73      | Khá        |
| 18  | 3121500021 | Nguyễn Đức        | Hiếu   | 16/09/2003 | 63      | Trung bình |
| 19  | 3121500023 | Trần Ngọc         | Hiếu   | 22/01/2003 | 72      | Khá        |
| 20  | 3121500024 | Võ Danh           | Hoàng  | 28/02/2003 | 58      | Trung bình |
| 21  | 3121500025 | Võ Nhật Minh      | Hùng   | 27/09/2003 | 63      | Trung bình |
| 22  | 3121500027 | Mai Đức           | Huy    | 31/08/2003 | 63      | Trung bình |
| 23  | 3121500030 | Nguyễn Thanh      | Hưng   | 30/01/2003 | 72      | Khá        |
| 24  | 3121500031 | Phạm Phước        | Hưng   | 02/08/2003 | 70      | Khá        |
| 25  | 3121500032 | Nguyễn Hoàng Minh | Kha    | 20/06/2003 | 90      | Xuất sắc   |
| 26  | 3121500034 | Xà Tấn            | Khoa   | 08/10/2003 | 88      | Tốt        |
| 27  | 3121500035 | Đào Lê Trọng      | Khôi   | 16/12/2003 | 58      | Trung bình |
| 28  | 3121500036 | Nguyễn Hữu        | Khương | 21/11/2003 | 58      | Trung bình |
| 29  | 3121500037 | Trịnh Chí         | Kiệt   | 26/06/2003 | 67      | Khá        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.21 - Lớp 1 (DDV1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV       |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|--------------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3121500038 | Hoàng Quốc         | Long   | 19/08/2003 | 63      | Trung bình |
| 31  | 3121500039 | Võ Hoàng Bảo       | Long   | 21/02/2003 | 63      | Trung bình |
| 32  | 3121500040 | Lê Mạnh Thiên      | Lộc    | 16/12/2003 | 63      | Trung bình |
| 33  | 3121500042 | Bùi Đăng Đức       | Minh   | 26/06/2003 | 68      | Khá        |
| 34  | 3121500043 | Lương Gia          | Minh   | 20/12/2003 | 60      | Trung bình |
| 35  | 3121500046 | Phùng Võ Phúc      | Nguyên | 24/01/2003 | 61      | Trung bình |
| 36  | 3121411157 | Đỗ Trần Quang      | Nhật   | 26/11/2003 | 58      | Trung bình |
| 37  | 3121500047 | Thanh Cẩm          | Nhi    | 15/03/2003 | 63      | Trung bình |
| 38  | 3121500048 | Huỳnh Thanh        | Phong  | 13/08/2003 | 77      | Khá        |
| 39  | 3121500050 | Lâm Trần Minh      | Quân   | 26/09/2003 | 70      | Khá        |
| 40  | 3121500052 | Võ Minh Phú        | Quý    | 08/07/2003 | 66      | Khá        |
| 41  | 3121500053 | Huỳnh Nguyễn Thiện | Son    | 16/11/2003 | 63      | Trung bình |
| 42  | 3121500056 | Trần Lê            | Thành  | 11/08/2003 | 66      | Khá        |
| 43  | 3121500057 | Nguyễn Thị Hồng    | Thắm   | 24/02/2003 | 75      | Khá        |
| 44  | 3121500058 | Phan Chí           | Thiện  | 21/03/2003 | 67      | Khá        |
| 45  | 3121500059 | Lê Ngọc            | Thịnh  | 16/09/2003 | 72      | Khá        |
| 46  | 3121500061 | Quan Xương         | Tín    | 08/06/2003 | 55      | Trung bình |
| 47  | 3121500062 | Phan Cao           | Trí    | 09/05/2003 | 0       | Kém        |
| 48  | 3121500063 | Phạm Chí Phát      | Triển  | 24/05/2003 | 65      | Khá        |
| 49  | 3121500064 | Mạc Quý            | Triều  | 13/04/2003 | 69      | Khá        |
| 50  | 3121500065 | Trần Khánh Quang   | Trung  | 19/09/2003 | 65      | Khá        |
| 51  | 3121500067 | Nguyễn Thanh       | Tú     | 14/08/2003 | 63      | Trung bình |
| 52  | 3121500069 | Nguyễn Thị Ngọc    | Tuyền  | 11/05/2003 | 0       | Kém        |
| 53  | 3121500070 | Đào Thị            | Viễn   | 27/10/2003 | 82      | Tốt        |
| 54  | 3121500072 | Hsu Zhi            | Yuan   | 10/12/2002 | 0       | Kém        |



## Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.21 - Lớp 1 (DDV1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | Ngày sinh | Điểm RL | Xếp loại |
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|

Tổng cộng danh sách này có 54 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 1     | 1,9     |
| Tốt   | 3     | 5,6     |
| Khá   | 21    | 38,9    |
| TB    | 26    | 48,1    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 3     | 5,6     |

**TS. Võ Văn Thật**



**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.22 - Lớp 1 (DDV1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|------------------|-------|------------|---------|------------|
| 1   | 3122500001 | Đặng Hoài        | An    | 18/01/2004 | 55      | Trung bình |
| 2   | 3122500002 | Nguyễn Bình      | An    | 29/01/2004 | 74      | Khá        |
| 3   | 3122500004 | Dư Chí           | Bảo   | 13/05/2004 | 62      | Trung bình |
| 4   | 3122500005 | Phạm Phú         | Bảo   | 26/06/2004 | 66      | Khá        |
| 5   | 3122500006 | Tạ Trần Quốc     | Bảo   | 14/07/2004 | 73      | Khá        |
| 6   | 3122500007 | Trần Trọng       | Bằng  | 06/09/2003 | 0       | Kém        |
| 7   | 3122500008 | Nguyễn Văn Thành | Công  | 11/10/2004 | 63      | Trung bình |
| 8   | 3122500009 | Trần Văn         | Cường | 14/03/2004 | 83      | Tốt        |
| 9   | 3122500010 | Ngô Lê Văn       | Đạt   | 09/01/2004 | 50      | Trung bình |
| 10  | 3122500011 | Nguyễn Minh      | Đức   | 06/03/2004 | 70      | Khá        |
| 11  | 3122500012 | Trần Thanh       | Đức   | 27/12/2004 | 88      | Tốt        |
| 12  | 3122500013 | Trần Bình Thanh  | Huy   | 16/10/2004 | 88      | Tốt        |
| 13  | 3122500014 | Đặng Hoàng       | Hưng  | 15/05/2004 | 55      | Trung bình |
| 14  | 3122500015 | Nguyễn Phúc      | Khang | 06/01/2004 | 76      | Khá        |
| 15  | 3122500016 | Phan Hoàng Bảo   | Khang | 20/05/2004 | 80      | Tốt        |
| 16  | 3122500017 | Nguyễn Công      | Khanh | 05/10/2004 | 63      | Trung bình |
| 17  | 3122500018 | Lê Quốc          | Khánh | 02/09/2004 | 67      | Khá        |
| 18  | 3122500019 | Trần Gia         | Khánh | 24/10/2004 | 56      | Trung bình |
| 19  | 3122500020 | Nguyễn Minh      | Khoa  | 06/05/2004 | 65      | Khá        |
| 20  | 3122500021 | Tạ Tuấn          | Khôi  | 23/09/2004 | 78      | Khá        |
| 21  | 3122500022 | Lê Quốc          | Lanh  | 06/07/2004 | 93      | Xuất sắc   |
| 22  | 3122500023 | Nguyễn Thế       | Lâm   | 04/03/2004 | 77      | Khá        |
| 23  | 3122500024 | Võ Hoàng         | Lâm   | 01/01/2004 | 73      | Khá        |
| 24  | 3122500025 | Nguyễn Hồ        | Nam   | 20/08/2004 | 66      | Khá        |
| 25  | 3122500026 | Ninh Quang       | Phát  | 11/08/2004 | 75      | Khá        |
| 26  | 3122500027 | Trần Tấn         | Phát  | 29/03/2004 | 60      | Trung bình |
| 27  | 3122500028 | Phạm Lê Hoàng    | Phước | 08/03/2004 | 87      | Tốt        |
| 28  | 3122500029 | Phạm Hoàng       | Phúc  | 01/11/2004 | 65      | Khá        |
| 29  | 3122500030 | Phạm Hoàng       | Phúc  | 20/08/2004 | 82      | Tốt        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K.22 - Lớp 1 (DDV1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV       |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|--------------------|-------|------------|---------|------------|
| 30  | 3122500032 | Trần Công          | Quang | 21/11/2004 | 85      | Tốt        |
| 31  | 3122500033 | Nguyễn Thanh       | Quyền | 24/05/2004 | 38      | Yếu        |
| 32  | 3122500034 | Nguyễn Trần Minh   | Quyền | 30/01/2004 | 60      | Trung bình |
| 33  | 3122500035 | Bùi Hữu            | Sang  | 15/09/2004 | 63      | Trung bình |
| 34  | 3122500036 | Lâm Quang          | Thái  | 14/02/2004 | 60      | Trung bình |
| 35  | 3122500037 | Nguyễn Ngọc Phương | Thanh | 11/01/2004 | 89      | Tốt        |
| 36  | 3122500038 | Ngô Ngọc           | Thiện | 03/05/2004 | 50      | Trung bình |
| 37  | 3122500039 | Huỳnh Lê Huy       | Thịnh | 11/07/2004 | 83      | Tốt        |
| 38  | 3122500040 | Huỳnh Phạm Duy     | Thịnh | 30/01/2004 | 61      | Trung bình |
| 39  | 3122500041 | Châu Ngọc Song     | Thuận | 02/03/2004 | 71      | Khá        |
| 40  | 3122500042 | Nguyễn Ngọc Thùy   | Trang | 16/11/2004 | 96      | Xuất sắc   |
| 41  | 3122500043 | Trần Thị Thanh     | Xuân  | 20/01/2004 | 81      | Tốt        |
| 42  | 3122500044 | Bùi Văn            | Ý     | 02/08/2004 | 83      | Tốt        |

Tổng cộng danh sách này có 42 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 2     | 4,8     |
| Tốt   | 11    | 26,2    |
| Khá   | 14    | 33,3    |
| TB    | 13    | 31,0    |
| Yếu   | 1     | 2,4     |
| Kém   | 1     | 2,4     |

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - K.19 - Lớp 1 (DKD1191)**  
**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3119510001 | Lê Trung          | An     | 18/03/2001 | 94      | Xuất sắc   |
| 2   | 3119510005 | Võ Thành          | Danh   | 25/07/2001 | 60      | Trung bình |
| 3   | 3119510006 | Nguyễn Hoàng Ngọc | Duy    | 24/04/2001 | 70      | Khá        |
| 4   | 3119510009 | Nguyễn Thành      | Đạt    | 17/06/2001 | 78      | Khá        |
| 5   | 3119510010 | Phùng Khánh       | Đăng   | 24/08/2001 | 67      | Khá        |
| 6   | 3119510012 | Lê Hoàng Nguyên   | Hào    | 11/10/2001 | 65      | Khá        |
| 7   | 3119510016 | Nguyễn Lê Tất     | Huy    | 25/05/2001 | 66      | Khá        |
| 8   | 3119510017 | Nguyễn Minh       | Huy    | 15/07/2001 | 76      | Khá        |
| 9   | 3119510019 | Phạm Huỳnh Công   | Huy    | 26/07/2001 | 77      | Khá        |
| 10  | 3119510020 | Mao Minh          | Khải   | 01/02/2001 | 77      | Khá        |
| 11  | 3119510021 | Nguyễn Duy        | Khang  | 11/01/2001 | 70      | Khá        |
| 12  | 3119510022 | Lê Mạnh           | Khánh  | 20/09/2001 | 71      | Khá        |
| 13  | 3119510024 | Thái Văn          | Kỷ     | 01/01/2001 | 68      | Khá        |
| 14  | 3119510025 | Lê Quan           | Lân    | 01/08/2001 | 70      | Khá        |
| 15  | 3119510026 | Phạm Duy          | Linh   | 09/08/2001 | 68      | Khá        |
| 16  | 3119510030 | Nguyễn Trung      | Nghĩa  | 30/05/2001 | 78      | Khá        |
| 17  | 3119510032 | Đặng Thành        | Nhân   | 07/03/2001 | 74      | Khá        |
| 18  | 3119510033 | Nguyễn Tấn        | Phát   | 27/08/2001 | 76      | Khá        |
| 19  | 3119510036 | Nguyễn Quang      | Phương | 24/11/2001 | 78      | Khá        |
| 20  | 3119510042 | Văng Bá           | Tân    | 07/05/2001 | 81      | Tốt        |
| 21  | 3119510045 | Trần Cao          | Thông  | 25/10/2001 | 73      | Khá        |
| 22  | 3119510047 | Trần Trung        | Tiến   | 16/12/2001 | 75      | Khá        |
| 23  | 3119510048 | Hồ Đàm            | Tín    | 04/02/1998 | 68      | Khá        |
| 24  | 3119510050 | Nguyễn Văn        | Trãi   | 05/11/2001 | 65      | Khá        |
| 25  | 3119510051 | Nguyễn Minh       | Trí    | 05/08/2001 | 88      | Tốt        |
| 26  | 3119510052 | Lý Quốc           | Trung  | 14/08/2001 | 70      | Khá        |
| 27  | 3119510053 | Nguyễn Hà Xuân    | Trường | 04/01/2001 | 58      | Trung bình |
| 28  | 3119510054 | Bạch Quốc         | Tuấn   | 22/08/2001 | 73      | Khá        |
| 29  | 3119510056 | Nguyễn Vĩ         | Tường  | 08/08/2001 | 70      | Khá        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - K.19 - Lớp 1 (DKD1191)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|------------|---------|------------|
| 30  | 3119510057 | Huỳnh Bính Uy     | 22/04/2001 | 72      | Khá        |
| 31  | 3119510058 | Lê Triệu Vĩ       | 22/06/2001 | 85      | Tốt        |
| 32  | 3119510059 | Phạm Hồng Việt    | 24/09/2001 | 68      | Khá        |
| 33  | 3119510061 | Nguyễn Hoàng Vinh | 22/11/2001 | 80      | Tốt        |
| 34  | 3119510062 | Huỳnh Phương Vũ   | 23/09/2000 | 60      | Trung bình |
| 35  | 3119510064 | Phạm Tuấn Vũ      | 02/08/2001 | 58      | Trung bình |

Tổng cộng danh sách này có 35 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 1     | 2,9     |
| Tốt   | 4     | 11,4    |
| Khá   | 26    | 74,3    |
| TB    | 4     | 11,4    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 0     | 0,0     |

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - K.20 - Lớp 1 (DKD1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV       |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|--------------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3120510011 | Lê Đức             | An     | 11/11/2001 | 85      | Tốt        |
| 2   | 3120510014 | Lê                 | Duy    | 17/02/2002 | 81      | Tốt        |
| 3   | 3120510018 | Nguyễn Minh        | Hậu    | 29/10/2002 | 74      | Khá        |
| 4   | 3120510019 | Nguyễn Thanh       | Hiền   | 18/01/2002 | 76      | Khá        |
| 5   | 3120510020 | Nguyễn Duy         | Hiệp   | 13/06/2001 | 78      | Khá        |
| 6   | 3120510024 | Trần Thanh         | Hùng   | 15/08/2002 | 93      | Xuất sắc   |
| 7   | 3120510025 | Trần Dương Nhật    | Huy    | 14/05/2002 | 80      | Tốt        |
| 8   | 3120510028 | Quách Trần Nguyên  | Kha    | 12/03/2002 | 70      | Khá        |
| 9   | 3120510029 | Trần Đoàn Thái     | Khang  | 08/01/2002 | 78      | Khá        |
| 10  | 3120510030 | Võ Khắc            | Khiêm  | 04/02/2002 | 63      | Trung bình |
| 11  | 3120510002 | Trần Gia           | Kiên   | 14/12/2002 | 63      | Trung bình |
| 12  | 3120510003 | Vũ Tuấn            | Kiệt   | 01/09/2002 | 77      | Khá        |
| 13  | 3120510031 | Giang Phương       | Linh   | 20/07/2002 | 70      | Khá        |
| 14  | 3120510032 | Võ Phạm Gia        | Long   | 26/03/2002 | 68      | Khá        |
| 15  | 3120510033 | Huỳnh Tấn          | Lợi    | 22/08/2002 | 82      | Tốt        |
| 16  | 3120510034 | Nguyễn Quang       | Minh   | 08/10/2002 | 0       | Kém        |
| 17  | 3120510035 | Nguyễn Trương Bình | Minh   | 06/04/2001 | 0       | Kém        |
| 18  | 3120510037 | Nguyễn Văn         | Nghĩa  | 24/02/2002 | 67      | Khá        |
| 19  | 3120510038 | Trần Bá            | Nguyên | 09/08/2002 | 95      | Xuất sắc   |
| 20  | 3120510039 | Võ Trí             | Nguyên | 24/01/2002 | 63      | Trung bình |
| 21  | 3120510041 | Nguyễn Tấn         | Phát   | 03/05/2002 | 67      | Khá        |
| 22  | 3120510042 | Nguyễn Thanh       | Phát   | 03/12/2002 | 65      | Khá        |
| 23  | 3120510043 | Lê Văn             | Phi    | 28/08/2002 | 77      | Khá        |
| 24  | 3120510044 | Mạch Vĩ            | Phong  | 11/12/2002 | 65      | Khá        |
| 25  | 3120510045 | Nguyễn Đình        | Phúc   | 23/02/2002 | 63      | Trung bình |
| 26  | 3120510046 | Phạm Hồng          | Phúc   | 14/02/2002 | 70      | Khá        |
| 27  | 3120510047 | Trần Minh          | Phúc   | 08/11/2002 | 82      | Tốt        |
| 28  | 3120510048 | Trần Văn           | Phúc   | 19/03/2002 | 87      | Tốt        |
| 29  | 3120510049 | Nguyễn Văn         | Quang  | 04/11/2002 | 0       | Kém        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: Đại học chính quy - ngành Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - K.20 - Lớp 1 (DKD1201)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV     |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|------------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3120510050 | Nguyễn Hữu       | Quý    | 18/03/2002 | 82      | Tốt        |
| 31  | 3120510051 | Mai Nguyễn Phước | Sang   | 26/11/2002 | 65      | Khá        |
| 32  | 3120510052 | Nguyễn Minh      | Sáng   | 25/03/2002 | 75      | Khá        |
| 33  | 3120510054 | Nguyễn Thanh     | Tâm    | 29/10/2002 | 85      | Tốt        |
| 34  | 3120510056 | Tổng Thế         | Thịnh  | 22/10/2002 | 82      | Tốt        |
| 35  | 3120510060 | Vũ Ngọc          | Thuận  | 08/04/2002 | 80      | Tốt        |
| 36  | 3120510061 | Nguyễn Văn       | Thương | 10/06/2002 | 78      | Khá        |
| 37  | 3120510062 | Hồ Trung         | Tín    | 02/09/2002 | 87      | Tốt        |
| 38  | 3120510009 | Nguyễn Hữu       | Tín    | 21/05/2002 | 65      | Khá        |
| 39  | 3120510063 | Trần Trung       | Tín    | 20/04/2002 | 63      | Trung bình |
| 40  | 3120510065 | Mai Kiên         | Trung  | 19/11/2002 | 73      | Khá        |

Tổng cộng danh sách này có 40 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 2     | 5,0     |
| Tốt   | 11    | 27,5    |
| Khá   | 19    | 47,5    |
| TB    | 5     | 12,5    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 3     | 7,5     |

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành CN Kỹ thuật điện, điện tử - K.21 - Lớp 1 (DKD1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV      |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-------------------|-------|------------|---------|------------|
| 1   | 3121510007 | Phạm Tuấn         | Anh   | 31/10/2003 | 0       | Kém        |
| 2   | 3121510001 | Luân Thừa         | Ân    | 17/03/2003 | 58      | Trung bình |
| 3   | 3121510008 | Trần Thanh        | Âu    | 12/09/2003 | 69      | Khá        |
| 4   | 3121510009 | Phan Duy          | Bảo   | 18/03/2003 | 77      | Khá        |
| 5   | 3121510010 | Trần Gia          | Bảo   | 24/11/2003 | 63      | Trung bình |
| 6   | 3121510011 | Nguyễn Lê Thiên   | Bình  | 17/03/2003 | 58      | Trung bình |
| 7   | 3121510013 | Nguyễn Văn Tiến   | Dũng  | 30/09/2003 | 63      | Trung bình |
| 8   | 3121510014 | Đỗ Bá             | Duy   | 30/06/2003 | 58      | Trung bình |
| 9   | 3121510016 | Nguyễn Khánh      | Duy   | 25/11/2003 | 58      | Trung bình |
| 10  | 3121510017 | Huỳnh An          | Đạt   | 24/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 11  | 3121510019 | Trần Công         | Đạt   | 06/09/2003 | 63      | Trung bình |
| 12  | 3121510020 | Huỳnh Thanh       | Đông  | 27/08/2003 | 72      | Khá        |
| 13  | 3120510021 | Đào Minh          | Hiếu  | 07/03/2002 | 58      | Trung bình |
| 14  | 3121510024 | Lưu Đức           | Hòa   | 28/12/2002 | 65      | Khá        |
| 15  | 3121510025 | Thang Cẩm         | Hòa   | 15/08/2003 | 63      | Trung bình |
| 16  | 3121510027 | Đỗ Mạnh           | Hùng  | 01/02/2003 | 70      | Khá        |
| 17  | 3121510028 | Mạch Tấn          | Hùng  | 17/11/2003 | 75      | Khá        |
| 18  | 3121510030 | Nguyễn Minh       | Huy   | 14/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 19  | 3121510002 | Phan Lâm Đức      | Huy   | 18/09/2003 | 65      | Khá        |
| 20  | 3121510031 | Võ Nhật Minh      | Huy   | 27/09/2003 | 65      | Khá        |
| 21  | 3121510032 | Phạm Đại          | Hữu   | 20/07/2003 | 70      | Khá        |
| 22  | 3121510033 | Phạm Hoàng        | Khang | 29/06/2003 | 74      | Khá        |
| 23  | 3121510034 | Trương Minh       | Khoa  | 11/04/2003 | 68      | Khá        |
| 24  | 3121510035 | Dương Mạnh        | Khôi  | 16/11/2003 | 58      | Trung bình |
| 25  | 3121510003 | Nguyễn Dương      | Kiệt  | 10/06/2003 | 73      | Khá        |
| 26  | 3121510037 | Nguyễn Hoàng Tuấn | Kiệt  | 14/12/2003 | 58      | Trung bình |
| 27  | 3121510038 | Trần Phi          | Kiệt  | 21/08/2003 | 58      | Trung bình |
| 28  | 3121510039 | Trần Tuấn         | Kiệt  | 01/11/2003 | 80      | Tốt        |
| 29  | 3121510040 | Nguyễn Bạch Ngọc  | Long  | 19/09/2003 | 65      | Khá        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành CN Kỹ thuật điện, điện tử - K.21 - Lớp 1 (DKD1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|---------|------------|
| 30  | 3121510041 | Trịnh Phong     | Luân   | 11/09/2003 | 74      | Khá        |
| 31  | 3121510042 | Đào Thiên       | Minh   | 24/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 32  | 3121510044 | Trần Danh       | Nam    | 16/02/2003 | 70      | Khá        |
| 33  | 3121510004 | Lại Tấn Thành   | Ngân   | 22/06/2003 | 0       | Kém        |
| 34  | 3121510046 | Lai Sơn         | Nguyễn | 10/07/2003 | 58      | Trung bình |
| 35  | 3121510047 | Trần Văn        | Nguyễn | 04/03/2003 | 63      | Trung bình |
| 36  | 3121510048 | Lý Bảo          | Nhân   | 05/08/2003 | 65      | Khá        |
| 37  | 3121510050 | Phạm Thiên      | Phát   | 16/05/2003 | 58      | Trung bình |
| 38  | 3121510051 | Trần Như        | Phát   | 18/04/2003 | 70      | Khá        |
| 39  | 3121510053 | Phạm Hữu        | Phước  | 06/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 40  | 3121510054 | Trần Thanh      | Phương | 20/09/2003 | 58      | Trung bình |
| 41  | 3121510055 | Trương Đình Kim | Quang  | 30/01/2003 | 58      | Trung bình |
| 42  | 3121510056 | Cao Kiến        | Quốc   | 18/10/2002 | 71      | Khá        |
| 43  | 3121510057 | Trần Minh       | Quý    | 14/04/2003 | 0       | Kém        |
| 44  | 3121510058 | Lê Thái Thanh   | Sang   | 12/05/2003 | 73      | Khá        |
| 45  | 3121510059 | Trần Hữu        | Sơn    | 12/12/2003 | 58      | Trung bình |
| 46  | 3121510060 | Nguyễn Trọng    | Tài    | 25/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 47  | 3121510061 | Mã Quốc         | Tâm    | 20/08/2002 | 70      | Khá        |
| 48  | 3121510062 | Trần Thanh      | Tâm    | 04/10/2003 | 59      | Trung bình |
| 49  | 3121510065 | Vũ Ngọc         | Thiện  | 29/01/1999 | 74      | Khá        |
| 50  | 3121510066 | Lê Thanh Tân    | Tiến   | 19/01/2003 | 58      | Trung bình |
| 51  | 3121510067 | Nguyễn Trọng    | Tín    | 18/01/2003 | 58      | Trung bình |
| 52  | 3121510068 | Lữ Học          | Trung  | 05/10/2003 | 58      | Trung bình |
| 53  | 3121510006 | Lâm Dư Anh      | Tú     | 04/01/2003 | 65      | Khá        |
| 54  | 3121510069 | Tiên Anh        | Tuấn   | 17/01/2003 | 70      | Khá        |
| 55  | 3121510070 | Phạm Quốc       | Tuấn   | 17/04/2003 | 58      | Trung bình |
| 56  | 3121510071 | Liễu Võ Minh    | Tường  | 23/08/2003 | 58      | Trung bình |
| 57  | 3121510072 | Vũ Mạnh         | Tường  | 23/08/2003 | 58      | Trung bình |
| 58  | 3121510073 | Vũ Ngọc Khánh   | Tường  | 09/11/2003 | 58      | Trung bình |
| 59  | 3121510074 | Trần Quang      | Việt   | 15/05/2003 | 70      | Khá        |



## Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: ĐH chính quy - ngành CN Kỹ thuật điện, điện tử - K.21 - Lớp 1 (DKD1211)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | Ngày sinh | Điểm RL | Xếp loại |
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|
|-----|-------|--------------|-----------|---------|----------|

Tổng cộng danh sách này có 59 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 0     | 0,0     |
| Tốt   | 1     | 1,7     |
| Khá   | 24    | 40,7    |
| TB    | 31    | 52,5    |
| Yếu   | 0     | 0,0     |
| Kém   | 3     | 5,1     |

**TS. Võ Văn Thật**



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ**

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành CN Kỹ thuật điện, điện tử - K.22 - Lớp 1 (DKD1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    |        | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|---------|------------|
| 1   | 3122510001 | Hồ Bình         | An     | 11/01/2004 | 67      | Khá        |
| 2   | 3122510002 | Nguyễn Nam      | Anh    | 14/01/2004 | 87      | Tốt        |
| 3   | 3122510003 | Lê Huỳnh Gia    | Bảo    | 14/01/2004 | 53      | Trung bình |
| 4   | 3122510004 | Nguyễn Minh Gia | Bảo    | 02/01/2004 | 60      | Trung bình |
| 5   | 3122510006 | Lê Tùng         | Chinh  | 28/01/2004 | 89      | Tốt        |
| 6   | 3122510007 | Phan Văn        | Chương | 01/07/2004 | 53      | Trung bình |
| 7   | 3122510008 | Lê Thành        | Công   | 20/10/2004 | 80      | Tốt        |
| 8   | 3122510009 | Ngũ Vĩnh        | Cường  | 25/09/2004 | 48      | Yếu        |
| 9   | 3122510010 | Lê Đức          | Duy    | 21/01/2004 | 66      | Khá        |
| 10  | 3122510011 | Hồ Hoàng Hải    | Đăng   | 09/10/2004 | 62      | Trung bình |
| 11  | 3122510012 | Nguyễn Văn      | Đang   | 06/03/2004 | 68      | Khá        |
| 12  | 3122510013 | Đỗ Thành        | Đạt    | 22/12/2004 | 75      | Khá        |
| 13  | 3122510014 | Lương Ngọc      | Đạt    | 02/01/2004 | 53      | Trung bình |
| 14  | 3122510015 | Châu Hải        | Đăng   | 25/10/2004 | 70      | Khá        |
| 15  | 3122510016 | Phan Hải        | Đăng   | 07/03/2004 | 65      | Khá        |
| 16  | 3122510017 | Nông Quốc Long  | Điện   | 09/06/2004 | 86      | Tốt        |
| 17  | 3122510018 | Lâm Hoàng       | Giang  | 02/01/2004 | 77      | Khá        |
| 18  | 3122510019 | Đỗ Trung        | Hiếu   | 17/11/2004 | 48      | Yếu        |
| 19  | 3122510021 | Du Diệu         | Hoàng  | 17/12/2004 | 0       | Kém        |
| 20  | 3122510023 | Cao Hoàng       | Huy    | 02/08/2004 | 67      | Khá        |
| 21  | 3122510024 | Hong Quang      | Huy    | 31/05/2004 | 53      | Trung bình |
| 22  | 3122510025 | Nguyễn Đình     | Huy    | 14/03/2004 | 58      | Trung bình |
| 23  | 3122510026 | Du Kim          | Hưng   | 03/03/2004 | 55      | Trung bình |
| 24  | 3122510027 | Nguyễn Duy      | Khang  | 31/07/2004 | 0       | Kém        |
| 25  | 3122510028 | Nguyễn Duy      | Khang  | 06/03/2004 | 0       | Kém        |
| 26  | 3122510029 | Nguyễn Trọng    | Khang  | 12/08/2004 | 67      | Khá        |
| 27  | 3122510030 | Phạm Hồ Phi     | Khanh  | 08/08/2004 | 80      | Tốt        |
| 28  | 3122510031 | Phạm Đình Bảo   | Khánh  | 24/12/2004 | 60      | Trung bình |
| 29  | 3122510032 | Phạm Hữu Duy    | Khánh  | 27/02/2004 | 58      | Trung bình |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành CN Kỹ thuật điện, điện tử - K.22 - Lớp 1 (DKD1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV       |       | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại   |
|-----|------------|--------------------|-------|------------|---------|------------|
| 30  | 3122510033 | Nguyễn Hùng Anh    | Khoa  | 07/08/2003 | 63      | Trung bình |
| 31  | 3122510034 | Võ Kinh            | Kiệt  | 13/10/2004 | 66      | Khá        |
| 32  | 3122510035 | Nguyễn Triệu Hoàng | Long  | 08/12/2004 | 83      | Tốt        |
| 33  | 3122510036 | Trần Bảo           | Luông | 13/09/2004 | 53      | Trung bình |
| 34  | 3122510037 | Lê Tấn             | Lực   | 28/09/2003 | 83      | Tốt        |
| 35  | 3122510038 | Dương Hoàng        | Minh  | 21/02/2004 | 0       | Kém        |
| 36  | 3122510039 | Lại Đình           | Minh  | 12/11/2004 | 70      | Khá        |
| 37  | 3122510040 | Nguyễn Phúc        | Minh  | 31/03/2004 | 0       | Kém        |
| 38  | 3122510041 | Nguyễn Quang       | Minh  | 25/08/2004 | 61      | Trung bình |
| 39  | 3122510042 | Lưu Toàn           | Nghĩa | 15/05/2004 | 79      | Khá        |
| 40  | 3122510043 | Âu Tấn             | Phúc  | 28/03/2004 | 53      | Trung bình |
| 41  | 3122510044 | Lý Tấn             | Phúc  | 28/01/2004 | 58      | Trung bình |
| 42  | 3122510046 | Nguyễn Thanh       | Phúc  | 08/06/2004 | 0       | Kém        |
| 43  | 3122510047 | Lâm Quốc           | Quang | 27/07/2004 | 81      | Tốt        |
| 44  | 3122510048 | Nguyễn Đình        | Quang | 12/01/2004 | 74      | Khá        |
| 45  | 3122510049 | Lê Võ Hoàng        | Sơn   | 18/07/2004 | 0       | Kém        |
| 46  | 3122510050 | Văn Nguyễn Thanh   | Son   | 15/05/2004 | 65      | Khá        |
| 47  | 3122510052 | Huỳnh Lượng        | Tân   | 22/09/2004 | 89      | Tốt        |
| 48  | 3122510053 | Lê Ngọc            | Tân   | 17/01/2004 | 87      | Tốt        |
| 49  | 3122510054 | Lê Đại             | Thành | 02/12/2004 | 58      | Trung bình |
| 50  | 3122510055 | Võ Phương Minh     | Thành | 29/08/2004 | 89      | Tốt        |
| 51  | 3122510056 | Nguyễn Ái          | Thiện | 15/09/2004 | 63      | Trung bình |
| 52  | 3122510057 | Nguyễn Minh        | Thuận | 03/10/2004 | 65      | Khá        |
| 53  | 3122510058 | Trần Trung         | Tín   | 08/07/2004 | 61      | Trung bình |
| 54  | 3122510059 | Nguyễn Chu         | Toàn  | 16/10/2004 | 62      | Trung bình |
| 55  | 3122510060 | Phạm Nguyễn Minh   | Trí   | 14/11/2004 | 72      | Khá        |
| 56  | 3122510062 | Trần Viết          | Tú    | 18/01/2004 | 62      | Trung bình |
| 57  | 3122510063 | Chương Đức         | Tuấn  | 18/10/2004 | 77      | Khá        |
| 58  | 3122510064 | Nguyễn Thiên Thái  | Việt  | 11/12/2004 | 48      | Yếu        |
| 59  | 3122510065 | Triệu Huy          | Vũ    | 27/11/2004 | 68      | Khá        |



### Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

**Lớp: DH chính quy - ngành CN Kỹ thuật điện, điện tử - K.22 - Lớp 1 (DKD1221)**

**Khoa: Điện tử viễn thông (DV)**

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV  | Ngày sinh  | Điểm RL | Xếp loại |
|-----|------------|---------------|------------|---------|----------|
| 60  | 3122510066 | Văn Lê Gia Vy | 26/05/2003 | 0       | Kém      |

Tổng cộng danh sách này có 60 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 17 tháng 07 năm 2023

Trong đó

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

| Điểm  | Số SV | Tỷ lệ % |
|-------|-------|---------|
| X.sắc | 0     | 0,0     |
| Tốt   | 11    | 18,3    |
| Khá   | 18    | 30,0    |
| TB    | 20    | 33,3    |
| Yếu   | 3     | 5,0     |
| Kém   | 8     | 13,3    |

**TS. Võ Văn Thật**